

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2018/DS-PT
Ngày 22/8/2018
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang;
Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 245/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1960; cư trú tại: Tổ A, ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1961; cư trú tại: Tổ A, ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Y, sinh năm 1966; cư trú tại: Tổ A, ấp ĐT, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1953; cư trú tại: Tổ A1, ấp TT, xã TTH, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn - ông Lê Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị X trình bày:

Cha bà là cụ Lê Văn K, chết ngày 08-02-2009, không để lại di chúc; mẹ là cụ Nguyễn Thị N, chết ngày 27-10-2012; ông bà nội, ngoại đều đã chết. Cụ K, cụ N có bốn người con chung gồm: Lê Văn Đ, Lê Thị X, Lê Văn L và Lê Thị Y; không có con riêng, con nuôi.

Trước khi chết, cụ N lập tờ Di chúc được UBND xã TĐ, huyện TC chứng thực ngày 04-12-2009. Theo nội dung di chúc, cụ N để lại tài sản cho bà toàn bộ diện tích đất 2.238,0 m², thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã TĐ huyện TC, tỉnh Tây Ninh, UBND huyện TC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-11-2006 (GCN QSDĐ) do Cụ K, cụ N đứng tên. Bà về sinh sống, quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên từ trước khi cụ N chết cho đến nay.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được hưởng thừa kế của cụ N theo di chúc và được hưởng một phần di sản của Cụ K theo quy định của pháp luật.

Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp 4; mái hiên, chân điện, chân bồn nước và bồn nước hiệu Đại Thành 1.000 lít; trong đó một phần là nhà cũ của cụ N, Cụ K xây dựng, một phần do bà Y xây dựng, nhưng nay bà Y cho rằng do bà Y xây toàn bộ bà cũng đồng ý; các tài sản còn lại là của bà Y, bà đồng ý trả lại cho bà Y. Nếu nhà, mái hiên nằm trên diện tích đất giao cho bà thì bà đồng ý trả lại bằng giá trị theo giá đã định cho bà Y. Đối với các tài sản khác gồm: Cây trồng trên đất (cây ăn quả, cây lấy gỗ), giếng khoan bà không tranh chấp, tài sản trên đất chia cho ai thì người đó được hưởng; đối với nhà tạm phía sau là của bà, nếu ai nhận được phần đất có nhà tạm này thì yêu cầu trả lại cho bà bằng giá trị.

Bị đơn – Ông Lê Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời khai của bà X về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cha mẹ. Phần đất bà X tranh chấp là tài sản chung của Cụ K, cụ N để lại. Cụ K chết không để lại di chúc, đối với di chúc của cụ N ông xác định chữ ký, chữ viết là của cụ N nhưng di chúc này là không hợp pháp, vì khi lập di chúc cụ N trong tình trạng tinh thần không minh mẫn, sáng suốt; phiếu khám sức khỏe của Trung tâm Y tế dự phòng huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh không có số, không đủ tiêu chuẩn để khám sức khỏe tổng quát cho cụ N. Do đó, ông L yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cho bốn người con gồm: ông, ông Đ, bà X và bà Y mỗi người một phần bằng nhau.

Đối với tài sản trên đất gồm: Nhà xây và mái hiên trước nhà; một chân điện sáng; một chân bồn nước, một bồn nước hiệu Đại Thành 1.000 lít là của bà Y; mô-tơ bơm nước, nhà tạm phía sau là của bà X, tất cả tài sản này ông không tranh chấp.

Đối với cây trồng, giếng khoan trên đất ông không tranh chấp, tài sản trên đất ai thì người đó được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị Y và người đại diện hợp pháp của bà Y trình bày: Bà Y thống nhất với lời khai của bà X, ông L về quan hệ huyết thống, thời gian chết của cha, mẹ, khối tài sản cha mẹ để lại.

Bà Y cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong di chúc do bà X cung cấp là của cụ N nhưng di chúc không hợp pháp vì khi cụ N lập di chúc có hai Giấy khám sức khỏe tại Trung tâm Y tế dự phòng huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận sức khỏe của Hội đồng giám định Y khoa tỉnh Tây Ninh cùng khám sức khỏe cho một người nhưng khác nhau về số liệu; di chúc không ghi ngày, tháng, năm; chứng thực của UBND xã TĐ không rõ ràng, không đủ cơ sở để xác lập một di chúc, do đó bà Y yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thực tế của Cụ K, cụ N để lại cho bốn người con gồm: Ông Đ, bà X, ông L và bà Y theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản trên đất, bà Y đồng ý với lời trình bày của bà X, ông L, không yêu cầu gì thêm nhưng đề nghị Tòa án khi xem xét giải quyết chia diện tích đất nêu trên thì chia cho bà nhận phần diện tích đất có căn nhà.

- Ông Lê Văn Đ trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà X về quan hệ huyết thống, thời gian cha, mẹ chết và khối tài sản cha mẹ để lại. Do ông ở xa nên không biết trước khi cụ N chết có để lại di chúc không, nhưng đến khi các anh, em tranh chấp ông mới biết cụ N có để lại di chúc và ông thừa nhận chữ ký, chữ viết trong di chúc là của cụ N, thừa nhận phần di sản của cụ N di chúc cho bà X nhưng di chúc quyết định cả phần tài sản của Cụ K để lại cho bà X là không đúng. Ông yêu cầu chia phần di sản của Cụ K theo quy định của pháp luật cho bốn người con, ông được hưởng một phần và phần di sản này ông đồng ý cho lại bà X được hưởng. Đối với tài sản trên đất ông không tranh chấp.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 54/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng các Điều 635, 645, 646, điểm a Khoản 1 Điều 652, Điều 657, 674, 676, 733 Bộ luật Dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về “ Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản”.

1.1. Bà Lê Thị X được quyền sử dụng diện tích thực tế 2.238 m², tại thửa số 412 (thửa mới số 326), tờ bản đồ số 19 (tờ bản đồ mới số 61), tứ cận: Đông giáp đường đất, dài 6,84 m + 8,04 m + 18,98 m + 4,61 m + 4,63 m + 0,71 m + 4,13 m + 4,43 m + 1,79 m + 6,15 m; Tây giáp đất ông T1, dài 11,62 m + (2,33 m X 4 = 9,32 m) + 2,30 m; Nam giáp đất ông T2, ông T3, bà T4, dài 1,04 m + 38,78 m + 6,19 m + 5,77 m + 14,01 m + 6,30 m; Bắc giáp đất ông S, dài 55,68 m. Đất được UBND huyện TC cấp GCN QSDĐ ngày 21-11-2006, (diện tích theo giấy 1.825 m²) do cụ Lê Văn K và Nguyễn Thị N đứng tên, tọa lạc tại xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ kèm theo).

1.2. Bà Lê Thị X được quyền quản lý, sử dụng các tài sản trên đất gồm: Một nhà xây năm 2000 có chiều rộng 5,25 m, chiều dài 20,43 m, diện tích 107,5 m²; một mái hiên trước nhà có chiều rộng 3,99 m, chiều dài 4,17 m, diện tích 16,8 m²; một nhà tạm có chiều rộng 2,93 m, chiều dài 7,88 m, diện tích 23,1 m²; giếng khoan và cây trồng trên đất.

2. Bà Lê Thị X có trách nhiệm giao lại cho ông Lê Văn L số tiền 13.040.000 đồng (mười ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng); giao cho bà Lê Thị Y số tiền tổng cộng 43.340.000 đồng (bốn mươi ba triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng), trong đó phần di sản bà Y được hưởng 13.040.000 đồng (mười ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

3. Bà Lê Thị Y có trách nhiệm chuyển số tài sản của mình gồm: Một chân điện sáng, một chân bồn nước, một bồn nước nhãn hiệu Đại Thành 1.000 lít ra khỏi đất đã giao cho bà X.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, bị đơn ông Lê Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y cùng có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất 2.238 m² theo quy định của pháp luật thành 04 phần bằng nhau vì di chúc của cụ N không hợp pháp, yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Y. Ghi nhận ông L nhường phần thừa kế của mình cho bà Y được hưởng, chia thừa kế cho bà Y bằng hiện vật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Các bên đương sự đều thống nhất phần đất có diện tích 1.825 m² (đo đạc thực tế 2.238,0 m²), thuộc thửa số 412, tờ bản đồ số 19, tọa lạc tại xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của Cụ K và cụ N đã được UBND huyện TC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02146 ngày 21/11/2006. Cụ K chết ngày 08/02/2009 không để lại di chúc, cụ N chết ngày 27/10/2012 có lập di chúc, được UBND xã TĐ chứng thực ngày 04/12/2009. Tuy nhiên, diện tích đất

nêu trên là tài sản chung của Cụ K và cụ N, Cụ K chết trước không để lại di chúc nên thời điểm Cụ K chết là thời điểm mở thừa kế đối với phần tài sản Cụ K trong khối tài sản chung với cụ N nhưng cụ N lập di chúc định đoạt toàn bộ diện tích đất được cấp 1.825 m² là định đoạt cả phần di sản của Cụ K, cấp sơ thẩm xác định di chúc có hiệu lực 1 phần là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 4 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Tại cấp sơ thẩm, ông L, bà Y xác nhận chữ viết, chữ ký trong bản di chúc là của cụ N nhưng cho rằng khi lập di chúc cụ N trong tình trạng tinh thần không đủ minh mẫn sáng suốt. Tại cấp phúc thẩm, bà Y, ông L không thừa nhận chữ viết, chữ ký của cụ N trong bản di chúc và yêu cầu giám định; ngoài ra, bà Y còn cho rằng cụ N thực tế không đến cơ sở khám sức khỏe như kết luận của Hội đồng Giám định y khoa Bệnh viện đa khoa tỉnh Tây Ninh, yêu cầu Tòa án xác minh vấn đề này.

[4] Tại Kết luận giám định số 1856/C54B ngày 06/6/2018 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên “Nguyễn Thị N” trên bản Di chúc chứng thực ngày 04/12/2009 so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị N trên 02 tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không. Đề nghị thu thập thêm mẫu chữ ký của cụ N thời điểm gần năm 2009. Tại phiên tòa, bà X, bà Y, ông L đều xác định không có mẫu chữ ký nào khác của cụ N theo yêu cầu của Phân viện Khoa học hình sự; kết quả xác minh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tây Ninh, thể hiện cụ N có trực tiếp đến khám sức khỏe tại bệnh viện theo đúng các nội dung trong Giấy chứng nhận sức khỏe ngày 02/12/2009.

[5] Tuy không giám định được chữ ký của cụ N trong bản di chúc nhưng xét thấy di chúc được lập đúng quy định, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TC, đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại cấp sơ thẩm, tất cả các đồng thừa kế đều xác định chữ viết, chữ ký trong di chúc là của cụ N. Do đó, không cần thiết tiếp tục trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của cụ N. Bà Y, ông L cho rằng di chúc của cụ N không hợp pháp là không có căn cứ.

[6] Cấp sơ thẩm công nhận di chúc có hiệu lực 01 phần, phần còn lại xác định là di sản của Cụ K và chia thừa kế theo pháp luật là đúng với quy định tại Điều 667 của Bộ luật Dân sự 2005, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Y, ông L yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo quy định của pháp luật.

[7] Xét kháng cáo của bà Y, ông L về việc yêu cầu được chia thừa kế bằng hiện vật: Tại cấp phúc thẩm, ông L tự nguyện nhường phần thừa kế của mình cho bà Y được hưởng để bà Y đủ điều kiện được nhận thừa kế bằng hiện vật, bà X cũng đồng ý chia thừa kế bằng hiện vật cho bà Y. Do đó, cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Y, ông L.

[8] Di sản thừa kế là diện tích đất 2.238 m² được chia bằng hiện vật như sau:

Bà X được hưởng thừa kế diện tích đất 1.790,4 m² (trong đó có 300 m² là loại đất thổ cư) gồm diện tích 1.342,8 m² thừa kế theo di chúc (diện tích 1.119 m² tài

sản của cụ N và diện tích 223,8 m² cụ N thừa kế của Cụ K), diện tích 223,8 m² thừa kế theo pháp luật phân của Cụ K và diện tích 223,8 m² phần ông Đ thừa kế theo pháp luật nhường lại.

Bà Y được hưởng thừa kế diện tích đất 447,6 m², (trong đó có 100 m² là loại đất thổ cư) gồm phần bà Y được hưởng và phần ông L nhường lại cho bà Y.

Đối với tài sản trên đất gồm: nhà cấp 4, chân điện, chân bồn nước, bồn nước của bà Y cần buộc bà X thanh toán lại cho bà Y bằng giá trị, tổng số tiền là 39.800.000 đồng (ba mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng).

[9] Về án phí: Kháng cáo của bà Y, ông L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định.

Chi phí giám định bà Y phải chịu theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự: 2.700.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong.

Chi phí đo đạc, định giá tài sản tổng cộng 6.000.000 đồng các đương sự phải chịu tương ứng với phần tài sản của mình được hưởng, nên ông L, bà Y mỗi người phải chịu 500.000 đồng, bà X phải chịu 5.000.000 đồng. Ghi nhận bà X đã nộp xong nên ông L, bà Y có nghĩa vụ trả lại cho bà X. Tại cấp phúc thẩm, ông L nhường phần thừa kế cho bà Y nên bà Y phải chịu chi phí đo đạc, định giá tương ứng với giá trị di sản được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 635, 645, 646, điểm a khoản 1 Điều 652, Điều 657, 674, 676, 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27-02-2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Y, ông L, sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về “Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản”.

1.1. Bà Lê Thị X được quyền sử dụng diện tích thực tế 1.790,4 m² thuộc 1 phần thửa số 412 (thửa mới số 326), tờ bản đồ số 19 (tờ bản đồ mới số 61), tứ cận: Đông giáp đường đất, dài 6,84 m + 8,04 m + 19,98 m + 4,61 m + 4,63 m + 0,71 m + 4,13 m; Tây giáp đất ông T1, dài 11,62 m + (2,33 m x 3 = 6,99 m); Nam giáp đất ông T2, ông T3, bà T4, dài 1,04 m + 38,78 m + 6,19 m + 5,77 m + 14,01 m + 6,30 m; Bắc giáp đất chia cho bà Y, dài 63,10 m. Đất được UBND huyện TC cấp GCN QSDĐ ngày 21-11-2006, do cụ Lê Văn K và Nguyễn Thị N đứng tên, tọa lạc tại xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. (có sơ đồ kèm theo).

Bà Y được quyền sử dụng phần đất diện tích 447,6 m² thuộc 1 phần thửa số 412 (thửa mới số 326), tờ bản đồ số 19 (tờ bản đồ mới số 61), có tứ cận: Đông giáp đường đất, dài 4,43 m + 1,79 m + 6,15 m; Tây giáp ông T1, dài 4,63 m; Nam giáp

đất chia cho bà X, dài 63,10m; Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn S, dài 55,68 m. Đất được UBND huyện TC cấp GCN QSDĐ ngày 21-11-2006, do cụ Lê Văn K và Nguyễn Thị N đứng tên, tọa lạc tại xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ kèm theo).

1.2. Bà Lê Thị X được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: Một nhà xây diện tích 107,5 m²; một mái hiên diện tích 16,8 m²; một nhà tạm diện tích 23,1 m²; giếng khoan, chân điện, bồn nước Đại Thành 1000L, máy bơm và cây trồng trên đất.

2. Bà Lê Thị X có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Lê Thị Y số tiền 39.800.000 đồng (ba mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng) giá trị căn nhà trên đất, chân điện, chân bồn nước, bồn nước Đại Thành 1000L.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị X phải chịu 6.546.000 đồng (sáu triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0023549, ngày 10-10-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà X còn phải nộp 1.546.000 đồng (một triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Y phải chịu 1.304.000 đồng (một triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.200.000 đồng (ba triệu, hai trăm nghìn đồng) theo lai biên lai thu số 0023659, ngày 08-11-2016 và số 0023664, ngày 09-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu; bà Y được hoàn trả lại số tiền 1.896.000 đồng (một triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Y, ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0024704 và biên lai số 0024703 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Chi phí tố tụng khác:

Chi phí giám định: Bà Y phải chịu 2.700.000 đồng, ghi nhận đã nộp xong.

Bà Lê Thị Y có trách nhiệm trả lại cho bà Lê Thị X số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Tân Châu;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Hồng Mai